SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC HỒ TRÀM
Số: 502 /QĐ-TTYTKVHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Tràm, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HỒ TRÀM

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 26/3/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 349/NĐ-CP ngày 09/9/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư 40/2025/BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 04/2024/BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư 05/2024/BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư, thiết bị xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình

thuốc đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Kế hoạch số 320/KH-TTYTKVHT ngày 02/11/2026 của Trung tâm Y tế về Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTYTKVHT ngày 05/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hồ Tràm về việc phê duyệt Danh mục, số lượng và dự toán mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027

Căn cứ đề xuất của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 12/TTr-TCG ngày 05/11/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ Chuyên gia tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Chuyên gia và các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT.

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HỒ TRÀM

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Nam

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC HỒ TRÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Tràm, ngày 06 tháng 11 năm 2026

Phụ lục 1
Dự toán: Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 502/QĐ-TTYTKVHT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của TTYT Khu vực Hồ Tràm)

STT	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[9]	Loại hợp đồng[10]	Thời gian thực hiện gói thầu[11]	Tùy chọn mua thêm[12]
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế khu vực Hồ Tràm	Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027	Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027	1.390.901.200	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
	Tổng giá gói thầu			**1.390.901.200**								
	Bằng chữ: Một tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ một ngàn hai trăm đồng											

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC HỒ TRÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Tràm, ngày 06 tháng 11 năm 2026

Phụ lục 2: Danh mục, số lượng
Mua thuốc Generic bổ sung giai đoạn 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 502/QĐ-TTYTKVHT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của TTYT Khu vực Hồ Tràm)

Stt	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng dự trù	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến
1	Aciclovir	400mg	Viên	Uống	Nhóm 4	Viên	24.000	780	18.720.000
2	Adapalen	0,1%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 1	Tuýp	100	153.002	15.300.200
3	Albendazol	400mg	Viên	Uống	Nhóm 2	Viên	4.000	4.500	18.000.000
4	Amiodaron hydroclorid	150mg/3 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	300	30.048	9.014.400
5	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml	Dung dịch gây tê	Tiêm	Nhóm 1	Ống	300	41.600	12.480.000
6	Calcipotriol	0,005%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	100	87.000	8.700.000
7	Calcipotriol + betamethason dipropionat	(50mcg + 0,5mg); 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	200	180.000	36.000.000
8	Clobetasol propionat	0,05%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	100	18.500	1.850.000
9	Clotrimazol	10mg/1g; 20g	Thuốc dùng ngoài	Bôi ngoài da	Nhóm 5	Tuýp	1.000	16.200	16.200.000
10	Crotamiton	2g/20g	Thuốc dùng ngoài	dùng ngoài	Nhóm 4	tuýp	100	24.000	2.400.000

11	Dexamethason phosphat	4mg/1ml; 1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	200	800	160.000
12	Dopamin hydroclorid	200mg/5 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	40	22.050	882.000
13	Epinephrin (Adrenalin)	1mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 2	Chai/lọ/Ống/Túi/gói	1.200	1.200	1.440.000
14	Fentanyl	0,1mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	600	28.455	17.073.000
15	Fluconazol	150mg	Viên nang	Uống	Nhóm 1	Viên	1.500	10.450	15.675.000
16	Fusidic acid + hydrocortison	20mg + 10mg; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	2.000	42.800	85.600.000
17	Gentamicin	80mg/2ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	4.500	1.260	5.670.000
18	Griseofulvin	500mg	Viên	Uống	Nhóm 4	Viên	1.000	1.150	1.150.000
19	Heparin (natri)	25000IU/ 5ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 5	Lọ	800	146.000	116.800.000
20	Heparin (natri)	25000 IU/5ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	1.200	120.950	145.140.000
21	Hydrocortison	1%;15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	1.400	28.940	40.516.000
22	Itraconazol	100mg	Viên nang	Uống	Nhóm 4	Viên	5.000	2.410	12.050.000
23	Kẽm gluconat	10mg	Viên	Uống	Nhóm 4	Viên	6.000	116	696.000
24	Ketoconazol	2%/10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	1.000	4.000	4.000.000
25	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	(36mg + 18,13mcg)/1,8ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	3.000	16.250	48.750.000
26	Lidocain hydroclodrid	10%;38g	Thuốc xịt ngoài da	Dùng ngoài	Nhóm 1	Lọ	10	175.000	1.750.000

27	Lidocain hydroclodrid	40mg/2ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	27.000	550	14.850.000
28	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/ml x 1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống/Túi	200	11.900	2.380.000
29	Metronidazol	500mg	Viên	Uống	Nhóm 4	Viên	40.000	588	23.520.000
30	Metronidazol	5mg/ml x 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Nhóm 4	Chai/Lọ/Ống	4.000	7.450	29.800.000
31	Midazolam	5mg/1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	300	17.500	5.250.000
32	Midazolam	5mg/1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	200	30.900	6.180.000
33	Misoprostol	200mcg	Viên	Uống	Nhóm 4	Viên	3.500	3.650	12.775.000
34	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	19g +7g; Chai 133ml	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/ trực tràng	Nhóm 1	Chai	200	59.000	11.800.000
35	Mupirocin	2%; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Nhóm 2	Tuýp	500	69.972	34.986.000
36	Nefopam hydroclorid	20mg;	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	100	3.255	325.500
37	Nhũ dịch lipid	20%; Chai 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	20	135.000	2.700.000
38	Nước cất pha tiêm	5ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	54.000	546	29.484.000
39	Ondansetron	8mg/4 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	150	3.280	492.000
40	Oxytocin	5IU/ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	3.000	8.000	24.000.000
41	Paracetamol (acetaminophen)	10mg/ml x 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Nhóm 4	Túi	3.000	8.725	26.175.000
42	Paracetamol (acetaminophen)	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Nhóm 2	Gói	15.000	1.470	22.050.000

43	Paracetamol (acetaminophen)	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Nhóm 4	Gói	20.000	735	14.700.000
44	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	uống	Nhóm 3	gói	20.000	714	14.280.000
45	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Nhóm 4	Gói	30.000	350	10.500.000
46	Pethidin hydroclorid	100mg/2 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Ống	50	33.000	1.650.000
47	Phenylephrin	0,5mg (0,609mg); 10ml	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm	Nhóm 1	Bơm tiêm	50	194.500	9.725.000
48	Phytomenadion (Vitamin K1)	1mg/1ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Ống	500	1.550	775.000
49	Povidon iodin	10%; 90ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 4	Chai	5.000	9.600	48.000.000
50	Propofol	10mg/ml; 20ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	500	23.500	11.750.000
51	Rocuronium bromid	10mg/ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 2	Lọ	500	46.500	23.250.000
52	Salicylic acid	167mg/g; 10ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Nhóm 1	Lọ	100	250.000	25.000.000
53	Sắt sulfat + acid folic	60mg Fe + 0,25mg	Viên nang	Uống	Nhóm 4	Viên	80.000	800	64.000.000
54	Sevofluran	250ml	Thuốc gây mê đường hô hấp	Đường hô hấp	Nhóm 1	Chai	100	1.534.489	153.448.900
55	Tacrolimus	0,03%; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Nhóm 4	Tuýp	500	24.850	12.425.000
56	Tacrolimus	0,1%; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Nhóm 4	Tuýp	500	33.900	16.950.000
57	Terbinafin (hydroclorid)	1%; 10g	Thuốc dùng ngoài	dùng ngoài	Nhóm 4	tuýp	200	17.000	3.400.000

58	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	6%; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Nhóm 1	Túi	20	117.000	2.340.000
59	Tobramycin + dexamethason	0,3%+ 0,1% - Lọ 7ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Nhóm 4	Lọ	2.000	35.000	70.000.000
60	Tranexamic acid	250mg/5 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Nhóm 2	Ống	2.500	6.050	15.125.000
61	Urea	20%; 20g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Nhóm 4	Tuýp	200	53.991	10.798.200
	Tổng cộng: 61 thuốc								**1.390.901.200**